

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **246/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/5/2022

V/v: xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều

2. Ông Nguyễn Văn Ba

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Nguyễn Dương Kim Cương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* ông **Phạm Minh Thanh** Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Lê Ngọc A, sinh năm 1999.**

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Quốc B, sinh năm 2000.**

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Anh B có đơn xin vắng mặt, chị A có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn **Nguyễn Lê Ngọc A** trình bày:

Chị và anh B qua tìm hiểu, tự nguyện cưới nhau, có tổ chức lễ cưới vào ngày 17/10/2019 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh B có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi làm cho đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ ngày 13/8/2020 cho đến nay và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: chị và anh B có con chung tên Nguyễn Hoàng Gia C, sinh ngày 10/5/2020, hiện đang sống cùng chị A. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị và anh B không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn Nguyễn Quốc B trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị A về quá trình tìm hiểu, cưới nhau, thời gian chung sống, việc không có đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng như chị A trình bày. Anh đồng ý yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị A.

Về con chung: anh đồng ý giao chị A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Gia C, sinh ngày 10/5/2020 và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh và chị A không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Do bận đi làm nên anh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh B; ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh B và chị A trong quá trình hòa giải là giao chị A tiếp tục nuôi con chung; chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: chị A và anh B cùng trình bày anh, chị không có tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh B và chị A qua thời gian tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh B thường trú tại ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Chị A xin ly hôn với anh B, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị A và anh B tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị A xin ly hôn với anh B do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không hạnh phúc, anh chị hiện đã ly thân. Tại biên bản hòa giải ngày 23.3.2022, anh B đồng ý ly hôn với chị A. Xét thấy, chị A, anh B cưới nhau và chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa anh, chị không được pháp luật thừa nhận; anh, chị không phải là vợ chồng. Nay chị A xin ly hôn, anh B đồng ý ly hôn do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị A và anh B là vợ chồng.

[4] Về con chung: chị A và anh B có con chung tên Nguyễn Hoàng Gia C, sinh ngày 10/5/2020. Tại biên bản hòa giải ngày 23.3.2022, anh B đồng ý giao chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu C còn nhỏ, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, anh B đồng ý giao chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị A và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung; tại biên bản hòa giải, anh B cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: tại biên bản hòa giải, chị A và anh B cùng trình bày anh, chị không có tài sản chung, nợ chung; tại phiên tòa, chị A cũng khẳng định chị và anh B không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: chị A phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh B; ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh B và chị A trong quá trình hòa giải là giao chị A tiếp tục nuôi con chung; chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: chị A và anh B cùng trình bày anh, chị không có tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Đề nghị này phù hợp với quy

định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Lê Ngọc A và anh Nguyễn Quốc B là vợ chồng.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Lê Ngọc A và anh Nguyễn Quốc B có con chung tên Nguyễn Hoàng Gia C, sinh ngày 10/5/2020;

Chị Nguyễn Lê Ngọc A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Gia C.

Chị Nguyễn Lê Ngọc A không yêu cầu anh Nguyễn Quốc B cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Lê Ngọc A và anh Nguyễn Quốc B không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Lê Ngọc A và anh Nguyễn Quốc B không có nợ chung.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Lê Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0005480 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy chị A đã nộp xong án phí.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị A có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với anh B, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phạm Văn Tài

